TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30 – 8 – 2023
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Thanh Trí

2. Bà Nguyễn Hoa Lài

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên toà: Ông Lê Thanh Tưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 196/2023/TL.ST-HNGĐ, ngày 21 tháng 6 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1/- Nguyên đơn: Lê Kim N, sinh năm 1987 (xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Trầu H, xã Thạnh X, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

2/- Bị đơn: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Xẻo Cao B, xã Thạnh X, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Kim N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn Đ quen biết nhau, sau một thời gian tìm hiểu thì tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh X, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang vào năm 2006. Cuộc sống vợ chồng lúc đầu rất hạnh phúc nhưng đến nay thì phát

sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong công việc và chăm sóc con chung. Từ đó không tìm được tiếng nói chung nên mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nhận thấy không thể hàn gắn gia đình nên chị làm đơn yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn Đ có 05 con chung tên Nguyễn Thị Chiêu A (nữ) sinh ngày 10/5/2005, Nguyễn Thị Huỳnh A (nữ) sinh ngày 06/7/2007, Nguyễn Thị Kim A (nữ) sinh ngày 04/8/2016, Nguyễn Ngọc Mai A (nữ) sinh ngày 22/10/2019 và Nguyễn Ngọc Hồng A (nữ) sinh ngày 22/10/2019. Hiện Nguyễn Thị Chiêu A đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 04 con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh A, Nguyễn Thị Kim A, Nguyễn Ngọc Mai A, Nguyễn Ngọc Hồng A và yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, anh Nguyễn Văn Đ dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh Đ đối với vụ án này.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Kim Nn được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Huỳnh A (nữ) sinh ngày 06/7/2007, Nguyễn Thị Kim A (nữ) sinh ngày 04/8/2016, Nguyễn Ngọc Mai A (nữ) sinh ngày 22/10/2019 và Nguyễn Ngọc Hồng A (nữ) sinh ngày 22/10/2019 cho chị Lê Kim N tiếp tục nuôi dưỡng. Do anh Đ không trực tiếp nuôi con chung nên anh Đ phải có nghĩa

vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho anh Nguyễn Văn Đ không ai được quyền cản trở. Riêng cháu Nguyễn Thị Chiêu A (nữ) sinh ngày 10/5/2005 đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Buộc chị Lê Kim N phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Kim N và anh Nguyễn Văn Đ sau một thời gian tìm hiểu nhau và tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh X, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang vào ngày 31/10/2006. Quá trình chung sống chung không hạnh phúc do phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ và yêu cầu giải quyết con chung; Anh Nguyễn Văn Đ có địa chỉ cư trú tại ấp Xẻo Cao B, xã Thạnh X, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Kim N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt chị N. Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn Đ dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt anh Đ là có căn cứ.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân giữa chị Lê Kim N và anh Nguyễn Văn Đ được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh X, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang vào ngày 31/10/2006 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị N và anh Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được, nguyên nhân là do bất đồng trong cách chăm sóc gia đình,

trong công việc và giáo dục con chung. Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật để triệu tập anh Đ đến Tòa án hòa giải hàn gắng gia đình nhưng anh Đ không đến. Chị N cho rằng mẫu thuẫn giữa chị với anh Đ không thể hàn gắng được và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện với anh Đ, cho thấy hôn nhân của chị N và anh Đ đã rơi vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho chị Lê Kim N được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

[3.2] Xét yêu cầu nuôi con chung của nguyên đơn: Hội đồng xét xử xét thấy chị Lê Kim N và anh Nguyễn Văn Đ sống chung với nhau có 05 con chung gồm: Nguyễn Thị Chiêu A (nữ) sinh ngày 10/5/2005, Nguyễn Thị Huỳnh A (nữ) sinh ngày 06/7/2007, Nguyễn Thị Kim A (nữ) sinh ngày 04/8/2016, Nguyễn Ngọc Mai A (nữ) sinh ngày 22/10/2019 và Nguyễn Ngọc Hồng A (nữ) sinh ngày 22/10/2019. Hiện nay cháu Nguyễn Thị Chiêu A đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 31/7/2023, cháu Nguyễn Thị Kim A trình bày ý chí nguyện vọng muốn được sống với cha và cháu Nguyễn Thị Huỳnh A trình bày ý chí nguyện vọng được sống với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy các cháu là con gái và còn nhỏ nên ở với mẹ để mẹ chăm sóc và nuôi dạy được tốt hơn. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu tên Nguyễn Thị Huỳnh A, Nguyễn Thị Kim A, Nguyễn Ngọc Mai A và Nguyễn Ngọc Hồng A cho chị Lê Kim N tiếp tục nuôi dưỡng.

[3.3] Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị Lê Kim N: Hội đồng xét xử nhận thấy theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 " Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con". Do anh Đ không trực tiếp nuôi các cháu nên anh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các cháu theo quy định của pháp luật. Hiện tại mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật bằng ½ mức lương cơ sở. Mức lương cơ sở tại thời điểm xét xử là 1.800.000 đồng. Như vậy, anh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi cháu là 900.000 đồng/tháng đến khi các cháu đủ 18 tuổi (mức cấp dưỡng này sẽ thay đổi theo mức lương cơ sở). Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm và phương thức cấp dưỡng do Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành A giải quyết theo quy định của pháp luật. Do anh Đ không trực tiếp nuôi con nên chị N phải tạo điều kiện thuận lợi để anh Đ được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

[3.4] Về tài sản chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[3.5] Về nợ chung: Không có nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3.6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc chị Lê Kim N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Án phí cấp dưỡng anh Nguyễn Văn Đ phải chịu là 300.000 đồng.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Kim N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Kim N được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Huỳnh A (nữ) sinh ngày 06 tháng 7 năm 2007, Nguyễn Thị Kim A (nữ) sinh ngày 04 tháng 8 năm 2016, Nguyễn Ngọc Mai A (nữ) sinh ngày 22 tháng 10 năm 2019 và Nguyễn Ngọc Hồng A (nữ) sinh ngày 22 tháng 10 năm 2019 cho chị Lê Kim N tiếp tục nuôi dưỡng. Riêng cháu Nguyễn Thị Chiêu A (nữ) sinh ngày 10 tháng 5 năm 2005 đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Anh Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu mỗi tháng là 900.000đồng/tháng đến khi các con cháu đủ 18 tuổi (mức cấp dưỡng này sẽ thay đổi theo mức lương cơ sở), thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm và phương thức cấp dưỡng hàng tháng sẽ do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A giải quyết theo quy định của pháp luật. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Nguyễn Văn Đ không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có nên Hội đòng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Kim N phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng)

tiền tạm ứng án phí chị Lê Kim N đã nộp theo biên lai số 0002186 ngày 21 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (chị N đã nộp xong).

Buộc anh Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng

6. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND xã Thạnh X;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Đua